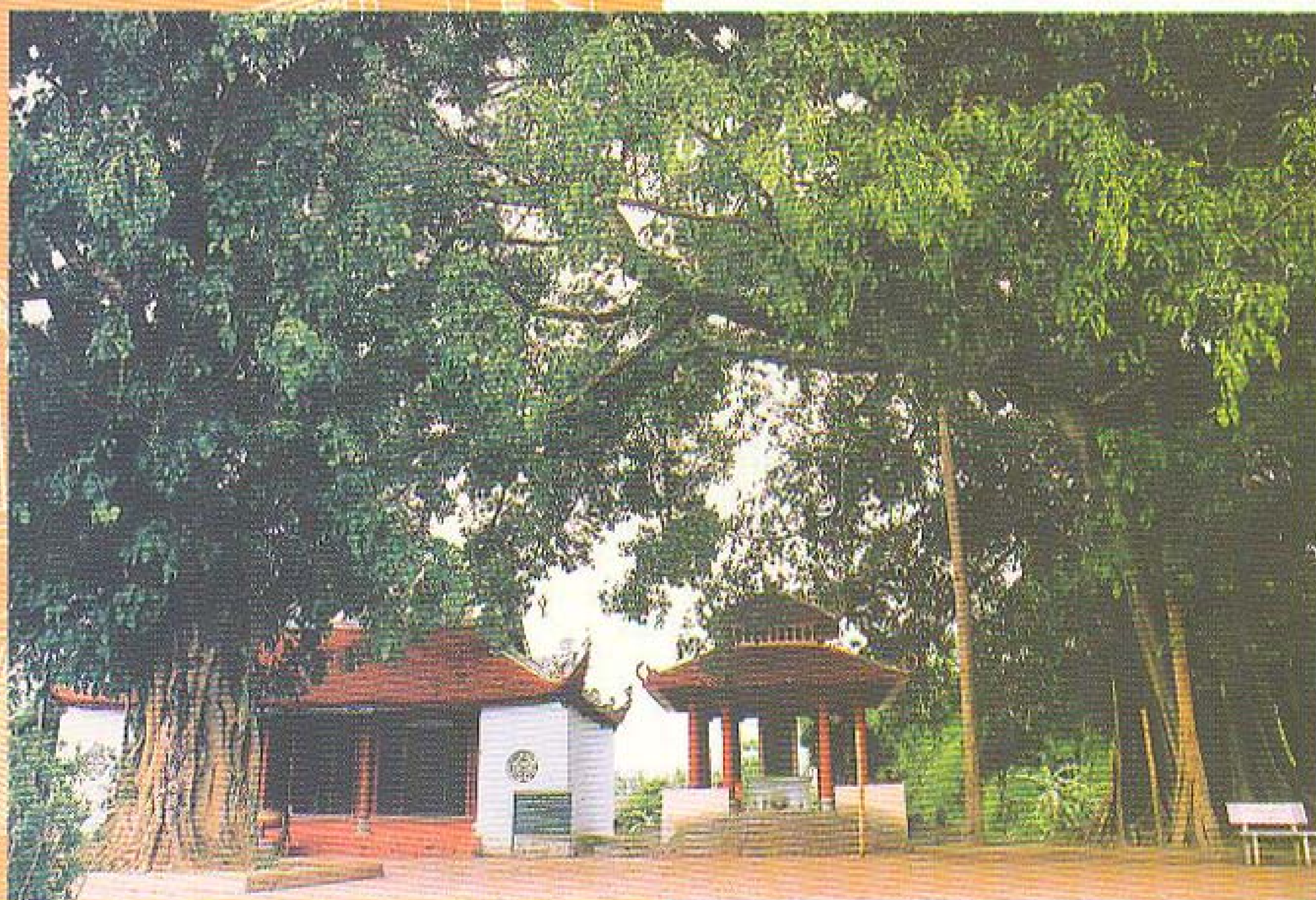
NGUYỄN THỊ LÂM HẢO

Vài nét về KHỞI NGHĨA HOÀNG CÔNG CHẤT



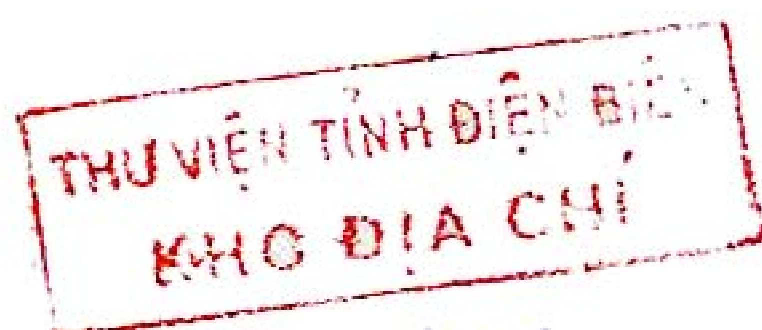
Vài nét về

Khởi nghĩa Hoàng Công Chất

NGUYỄN THỊ LÂM HẢO

Vài nét về

KHỞI NGHĨA HOÀNG CÔNG CHẤT



Cùng tác giả:

Hoài cảm Đền Đô
(Triều Lý - Nhà XB Văn học năm 2000)

Huyền thoại Điện Biên Phủ
(chiến dịch Điện Biên Phủ 1954-
Nhà XB Văn hóa - Thông tin - 2001; tái bản 2003)

Đêm xòe Điện Biên
(in chung) Nhà XB Văn học 2002

Vang vọng triều Trần
(Nhà XB Văn học - 2002)

Em gái rừng ban
(Nhà XB Văn hóa - Thông tin - 2004)

Lam Sơn tụ nghĩa
(Triều Lê - Nhà XB Văn hóa - Thông tin - 2004)

Hoàng triều Nguyễn - Huế
(Nhà XB Văn hóa - Thông tin - 2005)

Khởi nghĩa Hoàng Công Chất
(Công ty In Điện Biên - 2006)

Cùng bạn đọc

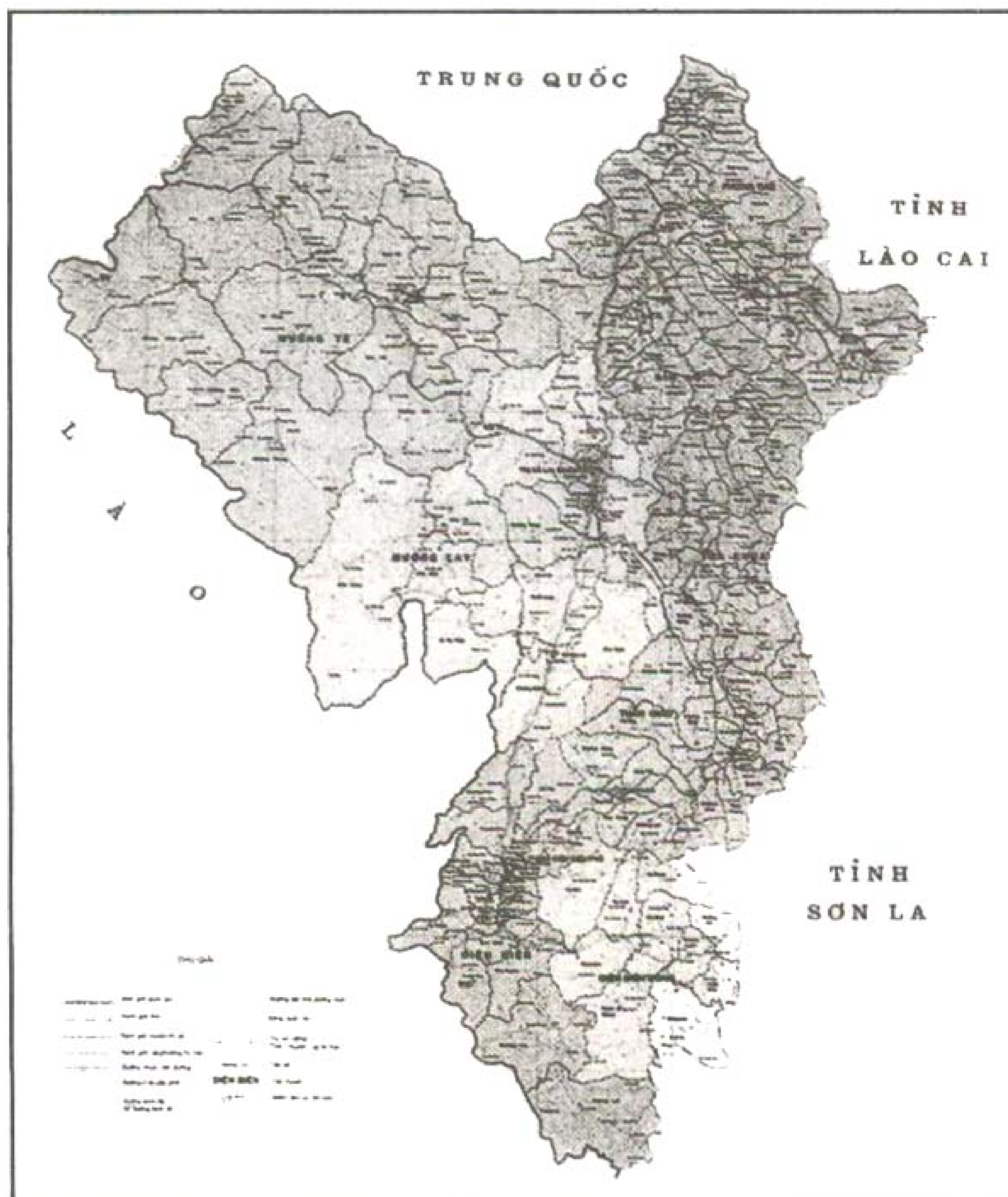
Một số bạn đọc cùng nhiều học sinh điện thoại và đến hỏi tôi về ***Cuộc Khởi nghĩa Hoàng Công Chất****, đặc biệt là giai đoạn cuộc khởi nghĩa diễn ra ở Điện Biên Phủ. Để giúp bạn đọc tham khảo sơ lược về cuộc khởi nghĩa này, tôi xin phép các Nhà nghiên cứu lịch sử được lược trích một số tư liệu lịch sử Điện Biên và vài nét về cuộc khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 -1769). Bài ghi chép này chắc còn nhiều thiếu sót, tác giả mong bạn đọc thông cảm và cùng sưu tầm, nghiên cứu bổ sung ý kiến để bài viết được trọn vẹn hơn.*

Xin chân thành cảm ơn các bạn đồng nghiệp đã giúp tôi hoàn thành bài viết này.

Xin cảm ơn bạn đọc !

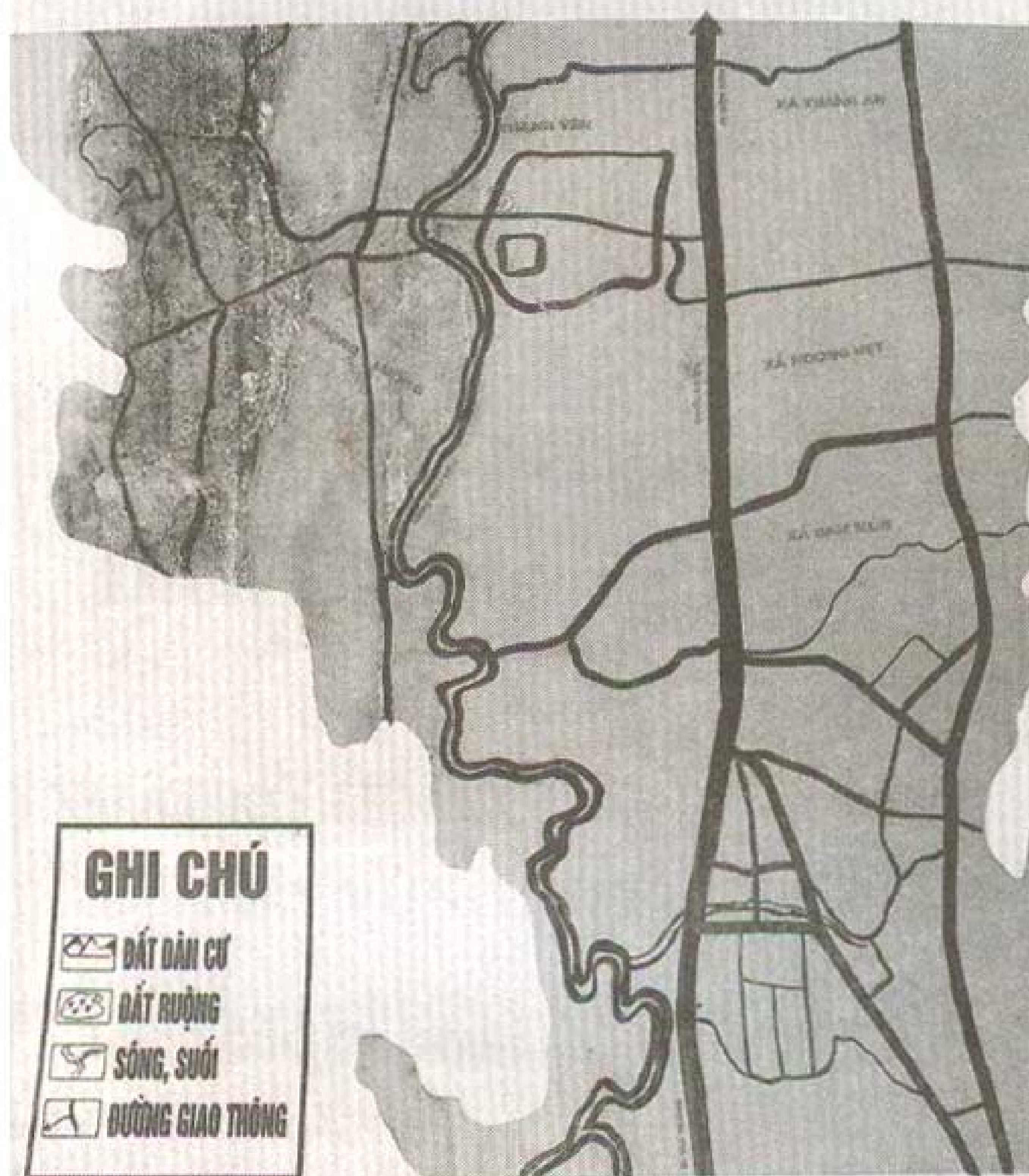
BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH LAI CHÂU

(Trước năm 2004 - Chưa chia tách tỉnh)



SƠ ĐỒ VỊ TRÍ

DI TÍCH LỊCH SỬ THÀNH HOÀNG CÔNG CHẤT



Vài nét về
Điện Biên trong lịch sử

XUẤT XỨ TÊN GỌI VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA VÙNG ĐIỆN BIÊN:

Theo các tư liệu Lịch sử Việt Nam và ***Điện Biên trong lịch sử*** *(của Đặng Nghiêm Vạn - Đinh Xuân Lâm NXBKHXH - Hà nội 1979)* thì tên đất Điện Biên hay Điện Biên Phủ là một từ ghép trên một điểm của một tỉnh nơi tận cùng Tây Bắc.

Theo Trần Lê Văn [1] thì: "Về tên đất mà nói thì Điện Biên là cái tên đứng vào bậc hay nhất trong các tên đất của nước ta. Nó nói được một ý chí, một nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta từ lâu đời. *Điện* là "vững", *Biên* là "Biên giới". *Điện Biên* là "Biên giới vững vàng". Nếu *điện* dùng làm tính từ thì hiểu như thế, nếu *điện* dùng làm động từ thì hiểu là "giữ vững vàng nơi biên giới". "Cái tên ấy tuy được đặt ra trong thời phong kiến, nhưng nó chứa đựng cả sức nặng của một nguyện vọng cố hữu của nhân dân ta lại thêm cả sự lẫy lừng của một danh hiệu chiến thắng, cái tên ấy, chúng ta tin rằng sẽ không bao giờ thay đổi". Điện Biên Phủ xưa có tên gọi bằng tiếng Thái là "Mường Thanh". Tên gọi đó được gọi theo cách gọi phổ thông, còn nếu gọi theo tiếng Thái ở địa phương phải là "Mường Theng",

(1)- Sông núi Điện Biên - Trần Lê Văn

"Mường Then" có nghĩa là "Mường Trời", một cái tên thật huyền thoại. Không rõ Mường Thanh là tên gọi có từ bao giờ, nhưng Mường Thanh là tên gọi xưa nhất và phổ biến nhất của Điện Biên.

Theo ***Truyện kể bản mường*** của người Thái thì con người được Trời (Then) cử xuống trần gian để dựng bản, lập mường. Mường Thanh như một nơi khởi tổ, phát sinh ra loài người. Trên đất Mường Thanh hiện còn hai nơi có liên quan đến chuyện sinh thành ra con người, đó là quả núi hình giống quả bầu (Tẩu Pung) ở xã Nà Tấu và hồ U Va thuộc xã Noong Luống, huyện Điện Biên và nhiều chuyện thần thoại khác như chuyện ông Khổng Lồ mà người Thái vẫn gọi là "Ải Lạc Cạc". Vợ chồng Ải làm ruộng, đánh cá, khai phá ruộng nương, bốn nơi đồng rộng: Thanh, Lò, Than, Tấc đều do Ải Lạc Cạc khai phá...

Trong sử sách còn ghi: Về đời Hùng Vương, vùng Tây Bắc nước ta - trong đó có Mường Thanh - là đất của nước Văn Lang. Về đời Lý: đất Mường Thanh nằm trong địa hạt châu Lâm Tây. Đời Trần: nước ta có 15 lộ thì Mường Thanh thuộc châu Phục Lễ, trấn Gia Hưng (châu Phục Lễ tức Mường Lễ, tức Lai Châu cũ). Năm 1469, khi Lê Thánh Tông đặt nước thành 12 thừa tuyên thì Mường Thanh thuộc phủ An Tây, thừa tuyên Hưng Hóa. Phủ An Tây nguyên là châu Phục Lễ, từ khi gọi là An Tây thì chữ "Phủ" mới xuất hiện. Năm 1775 (có tài liệu nói 1777) chúa Trịnh đặt châu Ninh Biên thì Mường Thanh là trung tâm, là thủ phủ của Ninh Biên. Mãi đến năm 1841 đời Thiệu Trị (Nhà Nguyễn) Ninh Biên mới được đổi tên thành Điện Biên hay Điện Biên Phủ. Tên Điện Biên Phủ xuất hiện từ thời Thiệu Trị nguyên niên (năm đầu), tức là năm Tân Sửu 1841

(Triều Nguyễn thời đó đặt nước thành 31 tỉnh kể cả Kinh Đô Huế).

Ngày 24/9/1955, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa ban hành Sắc lệnh số 230/SL thành lập Khu tự trị Thái Mèo sau đổi tên thành Khu tự trị Tây Bắc; tất cả các châu, (huyện trước đây) trong đó có châu Điện Biên trực thuộc sự chỉ đạo của khu Tây Bắc, không có cấp hành chính tỉnh. Ngày 27/10/1962, tại kỳ họp thứ V Quốc Hội khóa II đã quyết định thành lập lại 3 tỉnh là Sơn La, Nghĩa Lộ, Lai Châu. Tỉnh Lai Châu lúc đó gồm 7 huyện và 1 thị trấn, trong đó có huyện Điện Biên. Đến tháng 12/1975 khu tự trị Tây Bắc giải thể.

Huyện Điện Biên trước đây có 30 xã và 2 thị trấn. Theo Quyết định 130 ngày 18/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng đã nâng cấp xã Thanh Minh và thị trấn Điện Biên (cũ) thành Thị xã Điện Biên Phủ, là đơn vị

thứ 9 của tỉnh Lai Châu. Huyện Điện Biên còn 29 xã và 1 thị trấn, được chia thành 3 vùng khác nhau: vùng thấp có 10 xã và 1 thị trấn, vùng cao có 10 xã và vùng ngoài có 9 xã. Ngày mồng 7/10/1995, huyện Điện Biên lại được chia tách thành 2 huyện: Huyện Điện Biên và Huyện Điện Biên Đông. Ngày 10/10/2003, Thị xã Điện Biên đã tổ chức lễ công bố Nghị định của Chính phủ về thành lập Thành phố Điện Biên Phủ. Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 4, ngày 26/11/2003 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XI về việc chia tách tỉnh Lai Châu thành 2 tỉnh là Điện Biên và Lai Châu. Ngày 18/1/2004, tỉnh Điện Biên đã tổ chức lễ ra mắt các cơ quan lãnh đạo tỉnh.

Là một tỉnh miền núi và biên giới lại mới chia tách; mặc dù tình hình Kinh tế - Xã hội còn bề bộn khó khăn phức tạp,

nhưng dưới sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương; dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh, đặc biệt có sự đầu tư, điều chỉnh về chính sách Kinh tế - Văn hóa - Xã hội đã và đang tác động tốt trên các lĩnh vực; dân chủ hóa được mở rộng, giá cả ổn định, sản xuất gia tăng, đời sống đại bộ phận các dân tộc được nâng cao, lòng tin của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới được củng cố. Trong quá trình phát triển và hội nhập, đời sống kinh tế xã hội của Điện Biên tiếp tục phát triển trên nền tảng ổn định và vững chắc thông qua các chương trình kinh tế trọng điểm, các dự án đầu tư xây dựng, sự nỗ lực của cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

ĐỊA HÌNH, ĐẤT ĐAI, KHÍ HẬU, TÀI NGUYÊN VÙNG ĐIỆN BIÊN:

Tỉnh Điện Biên sau khi thực hiện chia tách từ tỉnh Lai Châu thành hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên tháng 1/2004, tỉnh Điện Biên hiện có 8 đơn vị hành chính, diện tích 9.563,4 km^2. Tính đến năm 2004, dân số có 444.866 người với 21 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trong đó dân tộc Thái chiếm 44,4%; dân tộc Mông 28,8%; dân tộc Kinh chiếm 19,7%; còn lại là các dân tộc khác.

Địa hình: Tỉnh Điện Biên khá phức tạp. Điện Biên phía bắc giáp Lai Châu; phía tây bắc giáp Trung Quốc; phía tây, phía nam giáp nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; phía đông giáp Sơn La. Tỉnh Điện Biên gồm có các huyện: Tuần Giáo, Tủa Chùa, Mường Nhé, Mường Chà,

Điện Biên Đông, huyện Điện Biên, thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay. (huyện Điện Biên cũ được chia ra làm ba đơn vị hành chính: Thành phố Điện Biên Phủ, huyện Điện Biên, huyện Điện Biên Đông).

Đất đai chia làm hai vùng

Lịch sử Điện Biên có ghi:

Nhìn vào bản đồ ta thấy: vùng Điện Biên có hình dạng giống hình con thoi dựng ngược trên đất của tỉnh Điện Biên. Thung lũng Điện Biên vùng núi cao có diện tích khoảng 200.000 ha; vùng thung lũng có diện tích 25.700 ha. Đặc biệt có cánh đồng Mường Thanh rộng hơn 4.000 ha ruộng lúa nước. Sông Nậm Rốm chảy ở gần chính giữa chia phần lòng chảo ra thành hai nửa gần đều nhau và là vùng trọng điểm lương thực của tỉnh.

Vùng Điện Biên còn có tên gọi là

Mướng Then (Mường Theng hay Mường Thanh), Mường Then có nghĩa là "Mường Trời", bao gồm vùng núi rừng bao la trùng điệp với những thung lũng nhỏ hẹp, màu mỡ vây quanh cánh đồng Mường Thanh, trấn ngự con đường từ Lào sang Điện Biên, xuống Sơn La, lên Lai Châu, và từ tây nam Trung Quốc xuống miền Trung Lào, sang miền núi các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh. Trong lưu vực ba con sông Mã, Nậm Núa (chi nhánh của sông Nậm U), Nậm Mấc và dãy núi Pú Xam Xao. Đó cũng là miền "gà gáy ba nước đều nghe tiếng"[1]; có đồng bào 21 dân tộc cùng sinh sống, nhiều tiếng nói, nhiều phong tục khác nhau; miền xưa kia trong lịch sử đã từng có thời kỳ "ai mạnh làm chúa, ai yếu làm tôi", luôn xảy ra loạn lạc, tranh chấp, gươm đao.

---

(1) - Ba nước là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa);

Vùng Điện Biên vừa có núi non hùng vĩ, vừa có cánh đồng rộng thẳng cánh cò bay, cảnh yêu, người mến. Thực tế, những dãy núi ở đây cao thấp khác nhau, muôn màu, muôn vẻ nằm trên độ cao so với mặt biển từ 500 đến 1.000 mét. Dãy núi Pú Xam Xao chạy theo biên giới Việt - Lào chắn ngang như một trường thành thiên nhiên với đỉnh núi cao nhất 1.897 mét ôm chặt lấy cả miền Điện Biên. Phía bắc dãy núi là lớp núi đá vôi, cây cối phủ kín um tùm với nhiều hang động đẹp đẽ tạo thành một khối lớp nọ nối tiếp lớp kia. Đó là dãy Tây Trang, cửa ngõ của đất Điện Biên qua nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Sang phía đông, sừng sững một dãy núi cao từ 1.200 đến 1.700 mét, từ đó xòe ra như một chiếc quạt thành ba dãy bao vây lấy cánh đồng Điện Biên, chỗ cao, chỗ thấp, chỗ chĩa ra những khối đá hoa cương, rắn chắc, bướng bỉnh; chỗ lại tạo thành những

dãy núi hiền lành, chịu để cho cây cối phủ kín um tùm. Dãy thứ nhất tỏa ra chạy theo hướng tây nam như muốn đuổi dòng sông Nậm Mấc, quanh năm nước chảy từ từ, ít thác, hiếm ghềnh. Dãy thứ hai chạy theo hướng bắc nam dọc theo phía đông cánh đồng Mường Thanh. Khi tới Mường Phăng, dãy núi sa thạch và vôi này lan rộng thành một cao nguyên hoa cương kèm bên dãy núi sa thạch nằm phía bên cánh đồng. Dãy thứ ba ngắn nhất chạy theo hướng đông nam chỉ vươn đến cánh đồng Tuần Giáo là dừng lại.

Chen vào giữa những dãy núi xanh thẳm là những cánh đồng xinh xắn nép kín trong những thung lũng nhỏ hẹp, có nơi chỉ rộng chừng vài trăm mét. Cánh đồng được tô điểm cho đẹp thêm bởi những dòng sông, suối nhỏ chạy uốn quanh thế đất, khi cô độc chạy một mình, khi lại quyện với nhau một cách thân thương. Trông từ trên

cao ở đằng xa, chúng giống như những tấm lụa màu sáng, trải tự nhiên trên những thảm mạ xanh rờn. Chính những chi nhánh của những con sông Mã, Nậm Mấc và Nậm Núa này đã đem lại cho những cánh đồng Điện Biên kia những lớp đất màu mỡ, và nhờ đó mà mảnh đất gần biên cương này trở nên trù phú.

Nằm gọn giữa những dãy núi kể trên, bao bọc xung quanh hơn hai mươi ngọn núi to nhỏ, cao thấp khác nhau - vùng lòng chảo Điện Biên có chiều dài khoảng hơn 20 km, chỗ rộng nhất khoảng 9 km. Khoảng giữa lòng chảo là cánh đồng Mường Thanh phì nhiêu nhất của Tây Bắc với bề rộng 6,5 km, bề dài 13 km. "Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc". Ở Tây Bắc có bốn vựa lúa, thì thứ nhất là Mường Thanh; gạo, nước nuôi sống được vài chục vạn con người; thứ nhì là Mường Lò, tức cánh đồng Nghĩa Lộ, thuộc huyện Văn

Chấn; thứ ba là Mường Than, tức cánh đồng Than Uyên (thuộc tỉnh Lai Châu ngày nay); thứ tư là Mường Tấc tức cánh đồng Phù Yên, phía nam tỉnh Sơn La, trên con đường từ Sơn La đi Yên Bái.

Cuối cánh đồng Mường Thanh có con sông Nậm Núa tỏa ra chi nhánh của nó là dòng sông Nậm Rốm khi hiền lành nước chảy lờ đờ, lúc hung dữ nước như con ngựa tuột cương lồng lộn gây ra lũ lụt. Dòng sông bất kham này là đầu đề cho nhiều câu chuyện khủng khiếp truyền miệng trong nhân dân, là hình ảnh của nạn hồng thủy xa xưa của loài người[1].

Từ con sông mẹ hung ác này tỏa ra nhiều dòng suối nhỏ tưới khắp cho cánh đồng Điện Biên. Những dòng suối con như muốn ban ơn cho con người, ngoan ngoãn

---

(1)- Nậm Rốm là con sông hung dữ. Đồng bào Thái thường kể đó là do trời tạo nên sau khi định trừng phạt loài người bởi "nạn hồng thủy" như truyền thuyết.

chảy trong những dòng khe đưa nước vào ruộng hai bên bờ, đền bù cho sự tàn phá của sông mẹ những khi tức giận. Ngày nay, thay thế cho những dòng suối nhỏ là hệ thống kênh mương kiên cố hóa bốn mùa đảm bảo tưới tiêu cho cánh đồng Mường Thanh trù phú.

Khí hậu vùng Điện Biên chia thành hai mùa rõ rệt. Mùa khô và mùa mưa.

Ca dao bốn mùa của dân tộc Thái có đoạn viết:

"Nắng hanh dọi vào cành dâu,

Gió nhẹ lay cành sấu, cành cha.

Lưng kiến nâng vàng lóng lánh.

Ve kêu gây tiếng nhạc sầu

Dóng nứa tre rừng nổ ran lốp đốp,

Rừng cây than khóc buồn ơi buồn.

Cây mai, cây vầu lá lìa cành,

Cây vả, cây si trơ thân đứng...."

Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 và kết thúc vào đầu tháng 5 dương lịch. Trong những thung lũng, sáng sớm sương mù bao phủ, người ta chỉ có thể trông thấy những ngọn núi trước mặt vào buổi trưa, khi mặt trời đã lên cao. Mùa này mưa ít, khí hậu khô hanh.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 và kết thúc vào tháng chín, tháng mười dương lịch. Khí hậu ẩm thấp, có nhiều lúc mưa bất thần kéo đến như xối nước đổ xuống suốt mấy giờ liền, lại có khi mưa dầm rả rích lê thê kéo dài hàng tuần. Lũ lụt gây nên tai họa vào tháng một lịch Thái (tức tháng bảy, tháng tám dương lịch):

"Tháng một nước lũ về,

Ngày mười hai nước dâng,

Ngày rằm nước đục ngầu,

Nước ngập đỏ ngọn cây, ngọn cỏ,

Hai con cào cào ôm cổ nhau than khóc.

Nước ngập rừng "chay", rừng "chọt",

Ngập rừng "bông"[1] *rừng tre bên suối,*

Nước cuộn trôi xuôi xa xa tít".

Trong mùa mưa, có khi hàng tuần, trời bị bao phủ bởi một màu chì ảm đạm. Nhưng ở miền Điện Biên, ít thấy có những cơn dông to, bão lớn. Gió thổi đều theo hướng tây nam, chỉ đôi khi gió chuyển hướng đột ngột từ đông bắc lại vào mùa khô lạnh.

Khoáng sản: Vùng Điện Biên lắm đất, lại của nhiều. Lê Quý Đôn trong *Kiến Văn tiểu lục*[2] đã nhận xét rất tinh tường: "Châu này, thế núi vòng quanh, nước sông bao

---

(1)- Ba thứ cây phổ biến ở rừng Tây Bắc Việt Nam.

(2)- Lê Quý Đôn: ***Kiến văn tiểu lục*** *- Bản dịch của Phạm Trọng Điềm - Nhà xuất bản sử học, Hà Nội 1962, trang 359 - 360).*

bọc, đồn sở ở giữa, ruộng đất bằng phẳng, màu mỡ, bốn bên đến chân núi, đều phải đi bộ một ngày đường, công việc làm ruộng bằng nửa công việc châu khác, mà số hoa lợi thu hoạch lại gấp đôi. Thổ sản có sa nhân, sáp vàng, diêm tiêu, lưu hoàng và sắt sống. Có một quả núi nước suối rất mặn, thú rừng thời thường đến uống, người địa phương dùng nỏ bắn được rất nhiều, tục gọi là "mỏ thịt" ở xã Luân Giói huyện Điện Biên Đông.

Điện Biên có hồ Pá Khoang diện tích mặt nước hơn 600 ha với chiều dài 12 km, rộng trên 3 km, trữ lượng nước sử dụng 38 đến 43 triệu m^3, có tác dụng dự trữ nước, cung cấp nước cho 3 nhà máy thủy điện thác Bay, Nà Lơi, Thác Trắng và bổ sung nguồn nước cho công trình thủy lợi Huổi Phạ, Nậm Rốm tưới tiêu cho toàn bộ đồng ruộng vùng lòng chảo Điện Biên; nuôi hải sản, bảo vệ môi trường và còn là một điểm

tham quan, du lịch sinh thái hấp dẫn. Sân bay Điện Biên (Mường Thanh cũ) đã được nâng cấp, phục vụ kịp thời du khách đến tham quan, du lịch tại Điện Biên Phủ.

Điện Biên xưa là nơi qua lại của nhân dân miền tây bắc Đông Dương, miền tây nam Trung Quốc và Việt Nam.

Thật vậy, xưa kia đó là nơi nằm giữa con đường giao lưu văn hóa. Nếu ta chấp nhận, giả thuyết được nhiều nhà thực vật học và dân tộc học đồng tình là cây lúa được thuần dưỡng bởi những cư dân cổ đại cư trú ở miền đông núi Hymalaya, thời qua Điện Biên là một nơi khác, việc trồng trọt của lúa đã được đưa vào miền ven biển Đông Nam Á và Nam Đông Á; với điều kiện sinh thái vô cùng thuận lợi, thứ cây lương thực quý giá đó đã dần thay thế các cây lương thực có từ trước ở vùng này như các loại thân củ, rễ củ, cây bột báng, cây

kê. Sự có mặt của văn hóa lúa ở xứ sở của văn hóa Đông Sơn đã góp phần làm cho khu vực Đông Nam Á trở thành một trong những trung tâm văn minh cổ của thế giới, đã làm cho văn hóa lục địa Đông Dương và Đông Nam Á nói chung đến thời kỳ kim khí trở thành thống nhất, với một thời kỳ hoàng kim rực rỡ, mà cho đến nay, các nhà nghiên cứu vẫn chưa đánh giá thật đầy đủ. Ngày nay, cánh đồng Mường Thanh vẫn là vựa lúa với những giống lúa mới có chất lượng cao - thơm ngon nhất vùng.

Điện Biên cũng lại chứng kiến những vùng giao lưu giữa văn hóa của các cư dân trồng trọt bản địa với văn hóa của các cư dân du mục xa xôi miền Trung Á, làm cho các dân tộc ở hai vùng này có những mối quan hệ gắn bó, làm cho tác dụng của việc trao đổi thêm mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy văn hóa của các cư dân trong vùng.

Chính vì vậy mà ngày nay trong các di chỉ khảo cổ học, cũng như trong các tàn tích văn hóa phản ánh qua các tư liệu dân tộc học, còn thấy rõ những yếu tố văn hóa Trung Á trong văn hóa Đông Nam Á và ngược lại[1] Điện Biên trong lịch sử lại là đường vận tải văn hóa Ấn Độ qua Việt Nam với những ảnh hưởng của đạo Bà la môn và Phật giáo. Ngược lại, cũng qua đây, các cư dân bản địa ở Đông Dương đã chuyển sang Ấn Độ và tây nam Trung Quốc những thành tựu văn hóa truyền thống của mình.

Cho đến những năm cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, thậm chí đến tận những

---

(1)- Điều này được nhiều học giả ghi nhận. Những yếu tố văn hóa này khá đa dạng không chỉ dừng lại trong lĩnh vực văn hóa tinh thần mà cả văn hóa vật chất như y phục, nhà cửa, v.v... Có thể xem Ian Tchesnôp: Lịch sử dân tộc học các nước Đông Dương, Matxcơva - 1976 và các tác phẩm của các tác giả Pháp như G. Cơđetxi, Prodil xki, v.v...).

năm 40 của thế kỷ này, căn cứ vào những hiện tượng còn in khá đậm nét trong trí nhớ của những người già, căn cứ vào những sách vở lưu truyền lại như nhật ký của Máccô Pôlô[1]; *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn, vào các sách của Trung Quốc và đặc biệt một số cuốn sách của người Thái Lan, Lào viết trên lá cọ hay giấy bản, và gần đây vào những sách của các tác giả thời thực dân Pháp hồi buổi đầu mới sang xâm chiếm Việt Nam, ngày nay ta vẫn có thể mường tượng được khá cụ thể những con đường xưa tỏa ra từ Điện Biên đi các địa phương trong lục địa Đông Nam Á.

---

*(1)- Một nhà du lịch người Ý sinh ở Vơnidơ đã đi qua châu Á bằng con đường Mông Cổ và trở về châu Âu qua Xumatơra (Inđônêxia) cuốn sách của ông nhan đề **Sách của Maccô Pôlô**, là một tư liệu quý báu về lịch sử và địa lý những vùng ông đi qua trong cuối thế kỷ XIII đầu XIV. Ông thọ 69 tuổi (1254 - 1323). Xem sách của Maccô Pôlô (bản dịch của I.P. Minhaép. Matxcơva - 1956).*

Các con đường mòn[1] từ Điện Biên tỏa đi khắp những trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa miền giáp ba nước Việt - Trung - Lào. Dọc theo Mường Pồn, Mường Mươn, Mường Lay đi Phong Thổ (Lai Châu) sang Lào Cai. Ngược lại, vượt qua Tây Trang là sang đến đất Lào, xuôi xuống miền Sầm Nưa tới Luông Pha Băng, ngược lên Phong Saly tới Chiềng Hùng, thủ phủ của khu tự trị Xip Xoong Păn Na giầu đẹp và cổ kính, hay rẽ sang miền đất của Bang San ở thượng lưu hai sông Xaluen và Irauađi của Miến Điện. Cũng từ Điện Biên, nếu đi xa về phía đông nam là vượt qua Mường Phăng, tới Mường Ảng về Tuần Giáo, từ đó vượt đèo Pha Đin tới Thuận Châu và Mường La, trung tâm của ngành Thái Đen.

---

(1)- Chỉ những con đường nhân dân qua lại vào đầu thế kỷ XX, có thể tham khảo thêm ***Kiến văn tiểu lục*** *của Lê Quý Đôn. Hiện nay các con đường đã đổi khác trước nhiều.*

Nếu đi về phía tây nam qua miền Tam Luân xuôi xuống Xốp Cập, có thể rẽ sang vùng Trung Lào hay về miền thượng Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh.

NHỮNG CUỘC BINH BIẾN Ở ĐIỆN BIÊN:

Vào khoảng thế kỷ XI, XII Chúa Lạng Chượng đem binh lên "lấy Mường Thanh", chinh chiến liên miên một thời gian dài, Lạng Chượng làm chủ Mường Thanh và tiếp đến con, cháu Lạng Chượng là Khum Pe, Khum Mứn làm chủ. Đất Mường Thanh trong một thời gian dài đã bị các chúa Thái, chúa Lự phong kiến thay nhau nắm quyền cai trị.[1]

(1)- Theo truyền thuyết, đất Mường Thanh từ trước thế kỷ thứ 18 là đất của người Lự. Mười chín đời chúa Lự đã cai quản vùng này và đã từng đắp thành Tam Vạn (Sam Mứn).

Thời Lê Lợi cầm quân đánh giặc Minh, giải phóng đất nước. Nghĩa binh áo vải của Sa Khả Sâm tham gia chiến đấu, sau khi đại thắng được Lê Lợi phong chức tước lớn, làm chủ vùng đất phía trên của lộ Đà Giang (tức vùng Tây Bắc). Năm 1431, Lê Lợi cầm quân ngược sông Đà lên Mường Lễ (tức Mường Lay, Lai Châu) đánh Đèo Cát Hãn, thu hồi lại Mường Lễ (bao gồm cả Mường Thanh). Sau thắng lợi, trên đường theo sông Đà trở về xuôi, Lê Lợi đã làm thơ khắc vào vách đá Pú Huổi Chỏ (Lai Châu).

Năm 1751, Hoàng Công Chất, một lãnh tụ khởi nghĩa vùng Sơn Nam (Thái Bình) đã liên kết cùng các thủ lĩnh địa phương là tướng Ngải, tướng Khanh đánh tan quân giặc Phẻ ở thành Tam Vạn (Sam Mứn). Mường Thanh và các vùng đất gần đó được giải phóng vào tháng 5 năm 1754. Sau chiến thắng 1754, Hoàng Công Chất đã cho xây dựng thành Bản Phủ (nay là xã

Noong Hẹt, Điện Biên). Năm 1767, Hoàng Công Chất mất, con là Hoàng Công Toản lên thay. Năm 1769, Hoàng Công Toản bị quân chúa Trịnh đánh tan. Nhân dân ở khu vực này đã lập đền thờ ông.

Năm 1872 giặc cờ vàng do tên Diệp Tài cầm đầu lại tràn vào Tây Bắc. Giặc tràn đến đâu thì số phận người dân như "cá sa lưới". Nhân dân Mường Thanh phối hợp với tướng cờ đen là Lưu Vĩnh Phúc và đặc biệt là lực lượng của Chương Han, người anh hùng dân tộc Khơ Mú đã đánh dẹp cờ vàng mãi đến năm 1880 mới tạm xong. Giặc cờ vàng rút thì tiếp theo giặc Pháp tràn đến.

Năm 1858 thực dân Pháp xâm lược nước ta, nhưng đến năm 1890 thực dân Pháp mới đặt được ách thống trị ở Lai Châu. Theo Nghị định ngày 6/1/1891 của Phủ Toàn quyền Đông Dương thuộc Pháp thì Lai Châu (trừ Phong Thổ) thuộc đạo quan binh thứ tư trực tiếp nằm trong khu

vực quân sự Vạn Bú. Năm 1910, tỉnh Lai Châu được thành lập, Điện Biên thuộc Phủ Điện Biên (Phủ Điện Biên có châu Điện Biên và tổng Tuần Giáo). Cùng với nhân dân trong tỉnh và nhân dân cả nước, đồng bào các dân tộc Điện Biên đã không ngừng nổi dậy đấu tranh, phong trào nổ ra liên tiếp, thu hút đồng bào các dân tộc tham gia. Các phong trào đấu tranh tiêu biểu như: Cuộc khởi nghĩa năm 1914 của Lường Sám (Lường Bảo Định). Đến năm 1916 phong trào Lường Sám chấm dứt.

Cuộc khởi nghĩa 1918 của Pa Chay (trong nhân dân còn nhiều tên gọi khác: Giàng Tả Chay, Vàng Tủa Chay, A Chay, Bả Chay,...) dân tộc Mông. Phong trào tồn tại 5 năm, chấm dứt năm 1922.

Trong thời gian dài thống trị ở Lai Châu, thực dân Pháp đều đặt Lai Châu dưới chế độ quân quản, đứng đầu châu Điện Biên là một võ quan.

Trong chiến dịch Tây Bắc 1952, Điện Biên được giải phóng lần thứ nhất. Đến tháng 11/1953, thực dân Pháp lại nhảy dù tái chiếm Điện Biên Phủ. Tướng Na Va đã dốc sức xây dựng Điện Biên Phủ thành tập đoàn cứ điểm mạnh chưa từng có ở Đông Dương, một "pháo đài bất khả xâm phạm", một "chiếc cối nghiền thịt" quân chủ lực Việt Minh.

Nhằm đập tan âm mưu của địch, ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị ta đã họp quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, cử Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm chỉ huy trưởng và Bí thư Đảng ủy mặt trận. Ngày 13/3/1954, Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định nổ phát súng đầu tiên tấn công cứ điểm Him Lam, mở màn cho chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm chiến đấu kiên cường và anh dũng của bộ đội ta, ngày 7/5/1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, kết thúc 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

Vài nét về

Khởi nghĩa Hoàng Công Chất

Qua sử liệu cho thấy: thế kỷ 17 -18, nền kinh tế suy thoái, đời sống của người nông dân ngày càng cực khổ. Giai cấp địa chủ chiếm đoạt ruộng đất. Thuế khóa nặng nề, quan lại tham nhũng. Đời sống của nhân dân sa sút nghiêm trọng. Phong trào khởi nghĩa của nông dân bùng lên rầm rộ

ở khắp nơi. Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương (1740 - 1751); Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu (1741 - 1751); Khởi nghĩa Hoàng Công Chất (1739 - 1769) và cuộc nổi dậy của Lê Duy Mật.

Hoàng Công Chất tên thật là Hoàng Công Thư, xuất thân trong một gia đình nông dân nghèo ở làng Hoàng Xá, huyện Thư Trì, trấn Sơn Nam hạ, nay thuộc xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Ông là một lãnh tụ nông dân kiệt xuất, dựng cờ khởi nghĩa chống triều đình ruỗng nát của họ Trịnh thời Lê mạt, cứu giúp dân nghèo. Đây là cuộc khởi nghĩa nông dân dài nhất, hoạt động trong phạm vi rộng nhất, liên kết với nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân khác, tập hợp được các cư dân các dân tộc khác nhau, không chỉ có tính chất phản phong mà còn có tác dụng

bảo vệ Tổ quốc chống ngoại xâm và duy trì được 30 năm (1739 - 1769).

Hoàng Công Chất dựng cờ khởi nghĩa với mục đích: "Bảo quốc, an dân", diệt cường hào ác bá, lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo, với hoài bão xóa bỏ bất công, lập lại kỷ cương, phục hưng đất nước, thống nhất giang sơn, thái bình muôn thủa.

Giai đoạn 1: **Khởi nghĩa Hoàng Công Chất ở miền xuôi:**

Từ năm 1739, Hoàng Công Chất - người Anh hùng áo nâu đã tập hợp nông dân nghèo nổi dậy hoạt động ở vùng Sơn Nam. Nghĩa quân có sở trường về thuật đánh du kích "khi tan, khi hợp". Như nhận xét của Nguyễn Đình Hoàn: "giặc đóng ở trong các vùng cỏ rậm rạp, quan, quân đến phía trước thì chúng lẩn ra phía sau; quan, quân chọn phía tả thì chúng chạy sang phía hữu". Để tăng cường lực lượng và chống

lại triều đình họ Trịnh thời Lê mạt, từ năm 1739 đến năm 1741 Hoàng Công Chất luôn liên kết với các lãnh tụ khởi nghĩa nông dân khác như Vũ Đình Dung, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ hoạt động chiến thuyền khắp vùng hạ lưu sông Hồng. Đặc điểm của nghĩa quân là giỏi thủy chiến, sở trường là lối đánh du kích "khi hợp khi tan" ra vào nơi cỏ rậm, bùn lầy, làm cho quân triều đình không thể biết được tung tích. Năm 1739, viên đốc lãnh Sơn Nam là Hoàng Kim Tào tiến đánh nghĩa quân nhiều lần không được. Năm 1740, Trịnh Doanh chia quân ra làm ba đạo và cử: Cao quận công Trịnh Kinh tiến theo đường bộ, Trịnh quận công Hoàng Công Kỳ và Nhạc thọ hầu Phạm Trần Tông cầm đầu hai cánh thủy binh, tiến dọc hai bờ sông Hồng; về sau, họ Trịnh lại cử Nguyễn Trọng Cảnh thống lĩnh cả ba đạo quân đóng đồn ở huyện Thượng Nguyên (nay thuộc tỉnh Nam

Định) để chế ngự các mặt. Cùng năm ấy, Trịnh Doanh lại phái đốc trấn Vũ Tả Liên và Đỗ Doãn Thành hợp binh đánh vào Đông An, huyện Khoái Châu (nay thuộc tỉnh Hưng Yên) nhưng không thắng nổi nghĩa quân.

Đến năm 1743, Trịnh Doanh sai thống lĩnh Trương Nhiêu tập trung quân đánh vào nghĩa quân, nhưng không thành. Cuối năm ấy (1743), Hoàng Công Chất trá hàng, tạo thời cơ chấn chỉnh lực lượng. Trịnh Doanh bằng lòng ban quân tước cho Hoàng Công Chất quản lĩnh một khu vực ở Sơn Nam nhưng với điều kiện Chất phải giải binh và về triều yết bái. Tất nhiên Hoàng Công Chất không nghe và chiếm lấy Khoái Châu, tiếp tục chống chúa Trịnh. Trịnh Doanh cử Nguyễn Đình Hoàn, Trần Huy Mật hợp lực cùng với trấn thủ Sơn Nam là Đinh Văn Giai tấn công nghĩa quân. Tuy

nghĩa quân bị thất bại nặng ở xã Đỗ Xá (huyện Kim Động, Hưng Yên) nhưng vẫn chiếm cứ Khoái Châu. Lúc bấy giờ, nước sông Hồng lên cao, Nguyễn Đình Hoàn định phá đê, tháo nước diệt nghĩa quân. Mưu kế thất nhân tâm đó cộng với việc sách nhiễu nhân dân gây cho "dân một phương kinh động". Vì vậy, cuộc ra quân của Hoàn bị thất bại. Trịnh Doanh vội vã bãi chức Nguyễn Đình Hoàn và cử hoạn quan Hoàng Công Kỳ làm trấn thủ Sơn Nam kiêm thống lãnh đạo Đông Nam tiếp tục đánh nghĩa quân.

Hoàng Công Chất vẫn chiếm giữ Khoái Châu suốt hai năm 1744 - 1745. Cuối năm 1745, Hoàng Công Chất cho quân tập kích bắt sống được Hoàng Công Kỳ. Chiến thắng này cổ vũ mạnh mẽ tinh thần chống chúa Trịnh của nông dân Sơn Nam. Từ năm 1746 - 1748, Hoàng Công Chất phối hợp

với Nguyễn Hữu Cầu (tức Quận He) hoạt động ở vùng Sơn Nam, có lần đã bao vây đánh chiếm phủ Ngự Thiên (tức huyện Hưng Nhân sau này, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Đến cuối năm 1748, sau khi tấn công vào thành Thăng Long bị thất bại, Nguyễn Hữu Cầu về Sơn Nam hợp lực với nghĩa quân Hoàng Công Chất cùng chiến đấu. Chúa Trịnh tập trung quân dưới sự chỉ huy của Hoàng Ngũ Phúc, Phạm Đình Trọng đánh vào Sơn Nam. Trước sự tấn công mạnh mẽ của quân triều đình, nghĩa quân bị thất bại. Hoàng Công Chất phải chạy vào Thanh Hóa, liên kết với phong trào Lê Duy Mật (một Hoàng thân của Nhà Lê bất mãn với chúa Trịnh đã chống lại triều đình), còn Nguyễn Hữu Cầu thì vào Nghệ An. Đến năm 1751, Nguyễn Hữu Cầu, Nguyễn Danh Phương bị quân triều đình bắt được và bị tử hình, phong trào nông dân tạm lắng xuống. Cuộc khởi

nghĩa của Lê Duy Mật ở vào thế khó khăn, buộc phải chuyển dần địa bàn hoạt động lên miền trung du và thượng du. Hoàng Công Chất từ miền thượng du Thanh Hóa tiến lên hoạt động ở Tây Bắc.

Giai đoạn 2: **Khởi nghĩa Hoàng Công Chất ở Tây Bắc:**

Tây Bắc, vùng đất biên cương của Tổ quốc, phía Bắc giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp nước Lào. Nhưng vào thế kỷ thứ XVIII, triều đình phong kiến trung ương bạc nhược không còn đủ sức để ý đến vùng đất đai này nữa. Miền Điện Biên, Tuần Giáo, một dải sông Mã, sông Đà bị buông lỏng để cho các thế lực phong kiến địa phương lũng đoạn, xâu xé nhau. Các chúa Lự ở Mường Thanh phát triển thế lực đến tận miền Tuần Giáo và Sìn Hồ. Nhưng sau đó không lâu có đám giặc cỏ Lào hoành hành ở biên giới và xâm phạm vào đất Điện Biên. Bọn chúng đánh đuổi các chúa Lự

phải chạy bạt lên vùng Mường Lự (Bình Lư) và Sìn Hồ, bỏ cánh đồng Mường Thanh và thành Tam Vạn cho giặc. Người cầm đầu đám giặc Phẻ hay còn gọi là giặc Pọng, giặc Nhuồn[1] tự xưng là phạ chẩu Tín Tòng. Do muốn tranh chấp quyền chúa ở Thuận Châu, tên phìa Khuyên dẫn bọn này xuống đánh lại chú là Cầm Tom.[2] Được dịp, bọn giặc tràn xuống cướp phá miền Sơn La gây nên bao cảnh tang tóc, làm cho nhân dân vô cùng khổ sở. Không thể làm ngơ được, triều đình phong kiến phải cử quân lên dẹp, nhưng cũng chỉ đuổi được chúng về Mường Thanh. Tại đây, tội ác của giặc thật không sao kể xiết! Ở Điện Biên hiện nay còn một số tên địa điểm ghi lại những kỷ niệm đau đớn của nhân dân

(1)- Tên gọi một bộ tộc Thái ở vùng Điện Biên hay nam Vân Nam Trung Quốc).

(2)- Quắm tố mướng - Bản Mường La. Bản này chép rõ sự kiện này xảy ra vào thời vua Bảo Thái 1720 - 1729).

các dân tộc, nhất là dân tộc Thái dưới thời kỳ thống trị của giặc Phẻ. Như cánh đồng mang tên là Tông Khao (cạnh đồi Độc Lập hiện nay); sở dĩ có tên đó vì xưa giặc tới bắt tất cả trẻ con trong vùng vứt vào vùng trũng rồi tháo nước ngập cho chết hết, sau khi nước rút, xương trẻ con chết trắng xóa cánh đồng (Tông Khao là đồng trắng). Như cánh đồng Hoong Cúm (nay gọi là Hồng Cúm) mang tên đó vì xưa nhân dân chạy giặc không kịp vứt lại các "cúm" là các hòm đan bằng tre hay mây để đựng các của cải quý giá. Như khe Hong Ma Nao (tức khe Chó Rét) mang tên đó vì có người chạy giặc trong đêm tối bế nhầm chó tưởng là con nên địu đi, khi qua khe trên, sờ đến địu mới biết là chó, bèn vứt bỏ lại,...

Nhân dân vùng Mường Thanh tan đi mọi nơi. Nhiều thủ lĩnh Thái và các dân tộc khác hô hào nhân dân tổ chức nhau lại để chống giặc, nhưng vì sức yếu nên nhiều lần

bị thất bại. Ngày nay ở Điện Biên còn lưu truyền câu chuyện những người chống cự lại phạ chẩu Tín Tòng nên những người này bị phạ chẩu Tín Tòng bắt đều phải buộc tội chết bằng cực hình như voi dày, tẩm đầu đốt lửa đến chết, đầu lâu bị bêu dưới chân thành Tam Vạn. Không phải chỉ có những người có hành động chống đối cụ thể mới bị đàn áp man rợ như vậy, mà cả gia đình, bà con của họ cũng bị tội theo. Để tránh bị truy nã, một số người phải chạy sang Mường Puồn (thuộc tỉnh Sầm Nưa - Lào hiện nay). Họ đã gặp nghĩa quân Hoàng Công Chất đang từ dưới xuôi rút lên trú ở đó. Tại đây, Hoàng Công Chất đã phối hợp với quân của thủ lĩnh người Thái là tướng Ngải, tướng Khanh[1] đánh giặc Phẻ cứu dân, bảo vệ miền biên giới Tổ quốc.

---

*(1)- **Cương mục** có chép Chất liên kết với thủ lĩnh Thành. Có lẽ Thành là một trong hai người ngày)*

Được lực lượng nghĩa quân người Thái và nhân dân các dân tộc địa phương giúp đỡ, nghĩa binh theo hai con đường từ phía châu Sông Mã tiến lên bao vây thành Tam Vạn. Trận đánh xảy ra rất ác liệt. Giặc Phẻ chống cự rất mạnh nhưng cuối cùng đã thua to phải bỏ thành chạy tới một địa điểm gọi là Pú Vằng(tức đồi Độc Lập hiện nay). Đến đây, giặc đã sử dụng súng to châm mồi thuốc súng bắn đạn chì ghém tầm gần, làm quân của Hoàng Công Chất bị thương vong nhiều, không sao tiến lên được. Trong số quân của Hoàng Công Chất có người Lào, người Lự tham gia. Theo lịch sử Điện Biên, vào đầu tháng 5 năm 1754, tướng Ngải và tướng Khanh bày mưu đưa người Lào, người Lự tới trước thành phạ chẩu Tín Tòng xin hàng. Phạ chẩu Tín Tòng tin là họ hàng thật, nên nhận. Đêm đến, quân Hoàng Công Chất tiến đánh, được bộ phận trá hàng từ trong đánh ra nên thắng lớn,

chém được Tín Tòng, tàn quân Phẻ theo sông Nậm Núa và Nậm Rốm chạy sang Lào.

Sau khi giải phóng được Mường Thanh, Hoàng Công Chất tính đường cố thủ lâu dài để chống lại triều đình dưới xuôi và chống ngoại xâm. Lúc đầu, Hoàng Công Chất đóng quân ở thành Tam Vạn. Sau đó, nhận thấy thành tuy rộng, nhưng cách bố phòng quá sơ sài, không hợp với các loại vũ khí mới xuất hiện thời đó như súng thần công, súng hỏa mai,... lại không hợp với sự phòng thủ từ mặt Lào sang cũng như từ xuôi đánh lên, Công Chất quyết định xây đền Chiềng Lề (nay gọi là thành Bản Phủ, thuộc xã Noọng Hẹt, Điện Biên). Thành này là một kỳ công của Hoàng Công Chất. Thành rộng 80 mẫu, dựa lưng vào dòng sông Nậm Rốm, có đường thành đắp bằng đất trồng tre gai đem từ Thanh Hóa lên vây

kín, bên ngoài có hào rộng từ 4 đến 5 mét, sâu 10 mét. Thành cao 5 mét, mặt thành rộng từ 4 đến 6 mét, trên đó voi, ngựa đi lại được. Thành có bốn cửa tiền, hậu, tả, hữu, ở mỗi cửa có đắp đồn cao, có vọng tiêu và lính gác. Trong thành có khu ngoại vi là nơi lính đóng. Ở đây, Hoàng Công Chất cho đào tới 133 giếng và ao hình dạng khác nhau: vuông, tròn, tam giác, lục giác, bát giác để trữ nước cho quân lính dùng. Hiện còn thấy di tích nơi nhà ở của quân lính, nơi làm kho lương, kho vũ khí, nơi chăn ngựa, giữ voi. Giữa thành có phủ là nơi các thủ lĩnh nghĩa quân đóng.

Hiện ở Điện Biên còn lưu truyền bài hát ca ngợi thành Bản Phủ:

"Thành to, thành đẹp,

Thành vững đứng giữa cánh đồng,

Giặc nào chẳng khiếp vía,

Hào vây quanh thành sâu hơn mười sải,

Mặt thành rộng hai chục sải tay,

Ngựa phi, voi chạy, lính đứng gươm trần sáng loáng,

Chúa cưỡi ngựa đứng trên mặt thành uy nghiêm,

Nào ta hãy lấy tre về trồng cho khắp

Tre Mường Thanh chúa bảo đừng lấy,

Hãy lấy tre có gai vàng như ngà,

Tận miền xuôi về trồng mới tốt.

Lấy hơn bốn mươi ngàn khóm,

Bao quanh thành, thành vững, chúa yên lòng,..." [1]

Trong khoảng thời gian từ 1754 đến 1769, Hoàng Công Chất một mặt củng cố

---

(1)- Phỏng dịch theo lời ca của ông Lường Văn Ún bản Pắc Xe kể.

miền Mường Thanh, mặt khác mở rộng thế lực ra toàn sông Mã, sông Đà, sông Hồng. Từ Mường Thanh, Hoàng Công Chất đánh chiếm lại miền Thập Châu thuộc phủ An Tây xưa đã bị bọn quan lại Trung Quốc tỉnh Vân Nam cướp đoạt từ trước, tức các châu: Chiêu Tấn (vùng Sìn Hồ hiện nay); châu Quỳnh Nhai; châu Lai (Mường Lay, Mường Tè, Mường Xo tức Phong Thổ hiện nay); Luân Châu (một phần huyện Tuần Giáo hiện nay và khu vực Mường Mùn) thuộc tỉnh Lai Châu (nay thuộc tỉnh Điện Biên) và các đất Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Toàn, Tuy Phụ, Khiêm Châu nay thuộc tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Nghĩa quân còn lập một thế ỷ dốc với nghĩa quân của Lê Duy Mật lúc đó lập căn cứ ở núi Trình Quang thuộc tỉnh Trấn Ninh. Sử sách cũ chép có nhiều lần hai toán nghĩa quân này đã phối hợp với nhau khống chế suốt một dải từ miền thượng

Thanh Hóa và Nghệ An đến miền Hưng Hóa, tức miền Tây Bắc nước ta hiện nay. Hoàng Công Chất và Lê Duy Mật lại uy hiếp triều đình bằng cách mở những cuộc tập kích vào vùng sông Thao, mạn Sơn Tây. Hoàng Công Chất chiếm toàn bộ 12 châu Thái tức miền Sơn La, Nghĩa Lộ và bắc Hòa Bình. Các tù trưởng Thái như Bun Phanh, Hà Công Ứng và tù trưởng Mường như Đinh Công Hồ cố chống lại nhưng đều bị thua.

Thế là toàn thể các chúa đất cả một dải sông Đà, sông Thao, sông Mã đều thuần phục Hoàng Công Chất và không chịu cống nạp về triều đình nữa. Mường Thanh trở lên khu trung tâm văn hóa, chính trị của đất Tây Bắc. Hoàng Công Chất thu cống nạp, điều binh khi chiến trận, cắt cử, phong ấp, cấp sắc cho các tù trưởng trong miền. Công Chất làm nhiều điều tốt cho dân: chia

ruộng đất, bảo vệ dân, chống được mọi cuộc xâm lấn, duy trì được an ninh, trật tự trong vùng. Vì vậy, ở vùng Điện Biên hiện còn lưu hành một số câu vè nói lên phạm vi thế lực của nghĩa quân Hoàng Công Chất và lòng mến yêu của nhân dân địa phương đối với ông :

"Đây! dưới xuôi có vua,

Trên này có chúa,

Những miền phía dưới từ Mường Puồn, châu Ét [1]

Từ Đà Bắc, Chợ Bờ,

Phía trên từ Xo, Là [2] *trở xuống,*

Tất cả đều thuộc quyền chúa Mường Thanh.

---

(1)- Một địa điểm ở tỉnh Săm Nưa - Lào.

(2)- Mường La nay thuộc Vân Nam, giáp với Mường Xo (Phong Thổ, Lai Châu), nằm trong vùng 6 châu bị nhập vào Trung Quốc.

Đất Mường Thanh rộng một dải với ba con sông

Nậm Rốm, Nậm Núa, Nậm U

Vây quanh thành Bản Phủ.

Chúa thật yêu dân,

Chúa xây bản, dựng mường,

Mọi người mới được yên ổn làm ăn[1]*....*

Nghe chăng tiếng hát của quân Keo Chất[2] *trong phủ,*

Ngân vang khắp cánh đồng Mường Thanh bao la.

Ai ơi muốn biết xin hãy về coi,

Ai ơi có mắt hãy mở trông cho kỹ,

Người Kinh cùng người Hán,

Người Thái với người Lào, người Xá,

Vui vẻ cùng nhau tay làm, miệng hát..."[3]

---

(1), (3) - Theo lời ca của ông Lường Văn Ún bản Pắc Xe kể.

(2)- Keo Chất tức người Kinh tên là Chất, chỉ Hoàng Công Chất.

Trong thời gian ở Mường Thanh, công to nhất của Hoàng Công Chất là giữ yên bờ cõi của Tổ quốc, tránh được nạn xâm lăng của người Miến vào những năm 1753 - 1765 đô hộ toàn bộ vương quốc Luông Pha Băng và uy hiếp sự an ninh của vài nước xung quanh trên bán đảo Đông Dương. Hoàng Công Chất lại khống chế được những cuộc nhũng nhiễu, lấn đất, cướp bóc của bọn giặc cỏ từ phương Bắc tới với sự dung túng của bọn quan lại phong kiến Trung Quốc ; đồng thời hoạt động rất mạnh chống lại triều đình Nhà Lê đã thối ruỗng. Ông thường liên kết với nghĩa quân của Lê Duy Mật tiến đánh những miền Thanh Hóa, Sơn Tây,... Cuối năm 1767, chúa Chất đem tới hơn một vạn quân vượt qua Mộc Châu, Mai Châu tiến sâu vào vùng miền trung du Thanh Hóa. Nhân dân địa phương nhất tề nổi dậy hưởng ứng, làm cho bọn quan quân chúa Trịnh vô cùng hoảng sợ.

Cùng năm 1767, Hoàng Công Chất mất, con là Hoàng Công Toản lên thay, tự xưng là Quốc công. Trong thời gian đó xẩy ra sự biến lớn. Một là các cuộc khởi nghĩa của nông dân ở dưới xuôi đã bị dẹp, chúa Trịnh có khả năng tập hợp lực lượng lên đối phó với cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất và Lê Duy Mật đang bị cô lập. Hai là giữa hai toán nghĩa quân trước đó vẫn có sự hòa hảo thì đến cuối năm 1768 đã xảy ra sự bất hòa nghiêm trọng giữa lúc nguy cơ bị quân chúa Trịnh tiêu diệt đang xích gần. Đó không kể nội bộ các tướng lĩnh của Công Toản bị lục đục với nhau. Chính vì vậy, lực lượng nghĩa quân Mường Thanh bị giảm sút rất nhiều, nhất là ở mạn sông Đà và sông Thao. Cùng thời gian này, Trịnh Sâm cử Nguyễn Đình Huấn làm tướng, thống lĩnh quân các đạo Thanh Hóa, Sơn Tây, Hưng Hóa đi đánh Thanh Châu (sử sách thời ấy thường gọi Mường Thanh là Thanh Châu hay động Mãnh Thiên. Mãnh

Thiên là do *Mường Then* đọc trạnh ra).

Nguyễn Đình Huấn được sắc phong làm "Bình Hưng thống tướng" (Thống tướng bình định Hưng Hóa) nhưng vẫn dùng dằng không muốn xuất quân. Y bàn với triều đình: "... giặc Chất cậy nơi hiểm xa đắp thành lũy, chứa thóc gạo gần 20 năm, nay ta đem quân đi sâu vào đường vận lương rất khó...". Y lại nói: "Dân hai châu Mai, Mộc phần nhiều theo giặc, không sợ triều đình, không chắc đã bắt dân vận lương được". Bất đắc dỹ phải tiến quân đến Việt Châu (Yên Châu), Nguyễn Đình Huấn thấy "dân đều chạy trốn, quân vào lục lọi không được gì lại sợ bị mai phục,..." bèn ra lệnh rút lui.

Trước tình hình đó, Trịnh Sâm phải cử người khác lên thay Huấn. Người đó là Thiên đô ngự sử Đoàn Nguyên Thúc[1],

---

(1): Có tài liệu ghi là Đoàn Nguyễn Thục.

xuất phát từ Thanh Hóa và Hưng Hóa tiến đánh Hoàng Công Toản vào cuối năm 1768.

Lúc đầu, khi quân Trịnh kéo lên, nhân dân Tây Bắc thi hành chính sách bất hợp tác với chúng và bỏ chạy vào rừng. Quan quân Trịnh không thể tiến lên được, phần vì đường xá khó khăn, phần vì vận chuyển lương thực xa xôi, phần thì bị phục kích tổn thất thương vong rất nặng. Nhưng sau quân Trịnh đã dần ép buộc được các tù trưởng Thái ra hàng. Như Cầm Nhân Quyền ở Mai Sơn yết kiến tướng Trịnh xin nộp gạo 10.000 hộc và báo rõ tình hình nội bộ nghĩa quân[1]; như Bun Hiêng (con Bun Phanh) ra đón quân Trịnh ở Nghĩa Lộ xin dẫn đường đưa tới Mường La (Quắm tố mướng - Bản Mường La). Tại đây, các chúa đất

(1)- Bình Hưng thực lục - Bản dịch chép tay của trường Đại học Tổng hợp).

quy phục Hoàng Công Chất nay đều ra hàng như Bun Xao, Cầm Ten, Cầm Vang,... Họ cùng tù trưởng Mộc Châu họ Xa dẫn quân Trịnh theo dọc sông Mã tiến đánh Mường Thanh[1]. Vì vậy, chỉ trong hơn một tháng, quân Trịnh đã tập trung được ở vùng Tuần Giáo và bao vây chặt Mường Thanh. Kịch chiến xảy ra trên con đường độc đạo từ Mường Ẳng trên sông Nậm Cô. Ở đây, quân Trịnh tấn công nhiều lần, nhưng đều bị nghĩa quân đứng trên núi cao, dùng tên nỏ, súng và bẫy đá đánh lui. Cuối cùng, quân Trịnh lừa cho một cánh quân đánh tập hậu đằng sau, nghĩa quân mới bị tan vỡ. Sau trận tập kích bất ngờ thắng lợi đó, quân Trịnh kéo nhanh vào Mường Thanh. Hoàng Công Toản và các tướng sĩ không kịp đối phó đều phải bỏ

(1)- Theo Bình Hưng thực lục - Bản dịch chép tay của trường Đại học Tổng hợp).

thành chạy sang miền Nậm U. Một số người không chạy kịp và không chịu đầu hàng triều đình thì nhảy vào kho đạn tự thiêu. Tướng của chúa Trịnh là Đoàn Nguyên Thúc vào thành không quên tìm mộ Hoàng Công Chất, bổ quan tài, chém thây để trả thù. Hắn còn sai phá chòi canh, san bằng hào lũy, phủ dụ dân tình rồi dẫn quân về xuôi.

Sau đó, trên cơ sở bản trình của Đoàn Nguyên Thúc, chúa Trịnh đã sai đình thần họp bàn ban bố 14 điều nhằm tăng cường uy lực của triều đình tại vùng biên giới hẻo lánh này. Những dự định đó được chấp nhận nhưng không được thi hành, vì sau đó họ Trịnh lại không dòm ngó gì đến miền Tây Bắc, và miền Thập Châu lại bị bọn quan lại Vân Nam lũng đoạn. Kết quả là sáu châu Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phì, Lễ Toàn, Tuy Phụ, Khiêm Châu bị

sáp nhập hẳn vào đất Trung Quốc. Còn miền Mường Thanh lại bị thuộc vào ảnh hưởng của Lào. Nhưng rồi nước Lào lần lượt bị phong kiến Miến Điện và Xiêm bảo hộ. Loạn lạc xẩy ra liên tiếp. Miền Mường Thanh cũng bị nằm trong tình trạng đó. Nhân dân Mường Thanh luôn bị điều đi phục vụ cho những cuộc chiến tranh phi nghĩa. Một chúa Lào là Tiao Vong bị giặc Miến bắt từ hồi nhỏ trong khi đánh thành Luông Pha Băng, nhân một dịp được vua Miến cử đi đánh dẹp loạn ở miền biên giới Miến - Trung (1765), đã trốn thoát ra vùng Thượng Lào rồi về Mường Thanh vào năm 1774. Được sự giúp đỡ của triều đình Việt Nam, năm sau Tiao Vong được chấp nhận về nước ở cạnh vua anh. Có thể do sự kiện trên, Lào mới trả lại vùng Mường Thanh cho nước ta (1775). Hai năm sau, chúa Trịnh quyết định đặt vùng Mường Thanh thành phủ Ninh Biên (1777) và cử

Lý Đình Lập người Hải Dương và Cầm Nhân Tài[1] quê ở Phù Yên có công đánh giặc làm tri châu và phó tri châu ở đó. Miền Mường Thanh từ đó được tạm yên.

ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA HOÀNG CÔNG CHẤT:

Tuy cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu và Lê Duy Mật bị thất bại, nhưng đây là lần đầu tiên trong Lịch sử Việt Nam bùng lên một phong trào nông dân rộng khắp, rầm rộ và kéo dài hàng chục năm. Phong trào không chỉ lôi cuốn hàng chục vạn nông dân nghèo miền xuôi ở các tỉnh Đàng Ngoài mà còn lôi cuốn cả hàng vạn

*(1)- Theo **Kiến văn tiểu lục** của Lê Quý Đôn và **Hưng Hóa xứ Phong Thổ lục** của Hoàng Bình Chính thì có tên là Cầm Nhân Tạ giữ chức tri châu).*

nhân dân các dân tộc ít người miền núi. Khi phong trào bùng lên mãnh liệt, tuy tập trung ở 4 cuộc khởi nghĩa lớn, nhưng không phải chỉ có như vậy. Nông dân nghèo đã nổi dậy ở khắp nơi.

Khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Duy Mật không chỉ bao gồm nông dân nghèo, mà còn có những tri thức nho học, quan lại nhỏ. Mục tiêu đấu tranh chưa phải là đòi ruộng đất, đòi lật đổ chế độ phong kiến mà mới chỉ đòi "Ninh dân", "lấy của nhà giầu chia cho nhà nghèo", "bảo dân",... thậm chí có lúc chỉ có tính chất trả thù như "treo người", "đổ nước vào mũi", "bỏ hạt thóc vào mắt rồi khâu lại", "giam vào nhà có rắn rết, đỉa ",...

Riêng cuộc khởi nghĩa của Hoàng Công Chất không chỉ vừa có mục đích trên mà còn chống lại giặc Phẻ xâm lược và quân triều đình Lê - Trịnh, giải phóng ách

nô lệ cho đồng bào các dân tộc ít người; chiếm lại được miền Thập Châu thuộc phủ An Tây xưa đã bị bọn quan lại tỉnh Vân Nam, Trung Quốc cướp đoạt từ trước, tức các châu Chiêu Tấn (Vùng Sìn Hồ hiện nay), châu Quỳnh Nhai, châu Lai (miền Mường Lay, Mường Tè, Mường Xo tức Phong Thổ hiện nay), Luân Châu (một phần đất Tuần Giáo, hiện nay là khu vực Mường Mùn nay thuộc tỉnh Điện Biên) và các đất Quảng Lăng, Hoàng Nham, Hợp phì, Lễ Toàn, Tuy Phụ, Khiêm Châu nay thuộc tỉnh Vân Nam Trung Quốc - một vùng đất rộng lớn ở Tây Bắc Tổ quốc.

Triều đình mà chủ yếu là chúa Trịnh đã phải huy động toàn bộ lực lượng để đàn áp và họ đã dựa vào tính phân tán của phong trào để "bẻ đũa từng chiếc", cuối cùng đưa phong trào đến thất bại.

Rõ ràng cuộc chiến đấu quyết liệt của

nông dân "được làm vua, thua làm giặc", "cả đời khốn khổ chua cay, ước ao chỉ được một ngày làm vua" đó, tuy chưa giành được thắng lợi nhưng đã là hồi chuông báo động cuộc khủng hoảng của chế độ phong kiến Đàng Ngoài, là những biểu hiện nổi bật, toàn diện của cuộc khủng hoảng đó, cùng với sự đổ vỡ nghiêm trọng của Nhà nước Lê - Trịnh. Khởi nghĩa Hoàng Công Chất đóng góp vào sự chuẩn bị mảnh đất thuận lợi cho thắng lợi lớn của phong trào nông dân Tây Sơn sau này.

Tưởng nhớ công ơn của người anh hùng áo nâu Hoàng Công Chất và Tướng Lò Ngải, Lò Khanh, nhân dân trong vùng đã xây Đền, đúc tượng để tôn thờ và hàng năm mở Hội cúng tế, tưởng nhớ đến những vị Lãnh tụ khởi nghĩa Hoàng Công Chất.

PHỤ LỤC

HOÀNG CÔNG CHẤT TRONG VĂN HÓA DÂN GIAN

Truyền thuyết về Hoàng Công Chất

Theo một số truyền thuyết kể lại rằng:

Miền Tây Bắc nước ta trong thời đại phong kiến là địa phương ở cách xa triều đình, núi non hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, giao thông khó khăn, phức tạp nên các triều đại phong kiến ít chú ý miền đất Tây Bắc xa xôi này! Giữa lúc đó, bọn phong kiến Lào và Thái Lan thường đem quân sang xâm lược, nhất là vùng đất Điện Biên giàu có, chính vì vậy, các chúa đất đã xây dựng thành lũy để chống giặc ngoại

bang xâm lược.

Thành Bản Phủ được xây dựng vào khoảng năm 1758 - 1762 thời Lê Mạt để chống quân xâm lược Thái Lan; mặt khác để chống ngay với chế độ phong kiến suy tàn vào cuối thời Lê (thế kỷ XVIII là thế kỷ nông dân khởi nghĩa ở khắp nơi: Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu, khởi nghĩa Nguyễn Danh Phương, khởi nghĩa của Hoàng thân Nhà Lê - Lê Mật,...).

Thời ấy có bảy ông tướng, trong đó có ông Hoàng Công Chất, bảy ông tướng này đều là học trò của Tạ Tiệp. Sau khi học xong ở trường, Tạ Tiệp cho bảy học trò của mình lên thực tế xem địa giới vùng Tây Bắc - Mường Thanh. Khi bảy người đi qua núi Pú Phạ (núi Trời) Mường Phăng thị họ tách ra thành hai nhóm: năm người đi trước, hai người đi sau, năm người đi trước gặp một đống quả nâu chín liền nhặt mỗi người một quả ăn ngay. Nhưng khi hai người đi đến sau

thì thấy đống quả nâu xanh. Hai người liền hỏi:

- Tại sao các ông ăn quả nâu xanh như vậy?

Năm người đã ăn quả nâu chín trả lời:

- Khi chúng tôi ăn thì quả nâu chín, bây giờ thì nó đã xanh lại rồi!

(Theo dân tộc Thái thì quả nâu không không bao giờ có quả chín, người nào diễm phúc thấy quả nâu chín thì phải ăn ngay, nuốt ngay, nếu không quả nâu sẽ xanh lại và người nào ăn được quả nâu chín sẽ có sức khỏe phi thường).

Khi hai nhóm người gặp nhau, họ lại kết lại thành một đoàn và tiếp tục lên đường. Xuống đến chân núi Tà Lèng, họ nghỉ chân bên dòng suối để tắm giặt quần áo. Lạ thay, năm người ăn phải quả nâu chín khi vắt quần áo để phơi thì quần áo của họ đều bị rách nát hết, còn hai người

không ăn quả nâu chín thì khi vắt quần áo không việc gì.

Nghỉ ngơi chờ quần áo khô, bảy ông tiếp tục lên đường đánh dẹp giặc Phẻ xong bảy ông tướng mới tìm đất xây thành để ở. Khi họ đến bản Lé (trước kia có bản Lé liền dưới bản Phủ). Thời gian đó có ba ông làm Tạo của ba mường và họ được nhân dân tin cậy, ủng hộ, ba ông Tạo của ba mường huy động nhân dân của mường giúp 7 ông việc đào hào, đắp lũy xung quanh Bản Phủ, Bản Lé và lấy tre gai từ miền xuôi lên trồng xung quanh thành.

Các ông cho đào giao thông hào sâu bốn sải và đai quanh thành lũy Bản Phủ. bảy ông phân công cho mỗi ông Tạo bản phụ trách nhân dân trồng 14.000 gốc tre gai, ở ngoài lũy tre, mỗi ông Tạo bản phải đảm nhận rào 14 lần hàng rào. Sau khi đã kiến thiết hoàn thành xong thành lũy Bản Phủ, bảy ông tổ chức cho mọi người ăn

uống rất to, ca hát kéo dài thâu đêm. Sau đó bảy ông tuyên bố rằng:

- Phủ là do người Kinh làm ra đặt tên là Chiếng Lé. (Nên có thời gọi tên thành là "Thành Chiếng Lé" là như vậy).

Bảy ông cho đúc cái mũ nặng 12 kg. bộ quần áo nặng 120 kg và thanh kiếm nặng 120 kg (đơn vị tính của cân ta thời ấy). Năm ông tướng được ăn quả nâu chín đội mũ, mặc quần áo và đeo thanh kiếm được, còn hai ông không ăn quả nâu chín thì không dùng được những đồ vật này.

Sau khi đã củng cố thành vững chắc, bảy ông tướng mới đi thăm nhân dân và các nơi trong vùng Mường Thanh: Ta Bớ, Mường Puồn, Chu Ét,... để tìm hiểu, xem xét đất đai, địa lý, khí hậu,... Đặc biệt miền Mường Thanh có rất nhiều khoáng sản quý như: mỏ bạc ở Pú Phạ; mỏ vàng ở Ná Ư; mỏ sắt ở Hua Pe; mỏ muối ở Hong Quái

Lói và Pá Cộp (ngã ba sông Nặm Rốm); mỏ chì ở Noong Chứn (chứn là chì) bản Noong Chấn hiện nay.

Thành lũy vững chắc, đất đai quanh vùng phì nhiêu lại có nhiều mỏ quý, nên bảy ông tướng bảo nhau:

- Chúng ta có thể tự túc được, không cần dựa vào nhà vua nữa !

Bảy ông tướng đồng lòng nổi lên chống lại nhà vua, lập căn cứ địa riêng của mình. Nhà vua biết tin, liền cử người đưa thư triệu bảy ông tướng về. Hai, ba lần nhà vua triệu về nhưng bảy ông tướng nhất định không về và trả lời dứt khoát:

- Chúng tôi không theo nhà vua nữa !

Trong bảy ông tướng có hai ông tên là Ngải và Khanh.

Biết rõ bảy ông tướng không chịu khuất phục triều đình, nhà vua sai tướng đem quân lên đánh ba lần, nhưng cả ba lần quân

triều đình đều thất bại nặng nề, bởi bị quân của bảy ông tướng mai phục ở khe núi Xá Hin. Xá Hin là con đường mòn độc nhất đi qua, hai bên dốc núi dựng đứng, quân của bảy ông tướng lợi dụng địa hình xếp đá trên cao và chỉ việc lăn xuống khi quân nhà vua đi qua.

Bị thất bại nhiều lần, nhà vua đã cho điều tra xem bảy ông tướng chống lại triều này là học trò của ai ? Những người đi điều tra về đã tâu vua :

- Họ là học trò của Tạ Tiệp !

Nhà vua liền ban lệnh triệu Tạ Tiệp đến và nói:

- Bảy học trò của ngươi lên miền Mường Thanh đã ở lại đó và đang chống lại triều đình, ngươi phải đi gọi ngay học trò về, bằng không ngươi sẽ bị chém đầu !

Tạ Tiệp hoảng sợ nên vội vàng thân trinh lên đường. Tạ Tiệp đem theo 300 lính

và 200 con dê. Đến núi Xá Hin. Đêm đến, Tạ Tiệp sai quân lính buộc nến vào hai sừng các con dê, châm lửa thắp nến rồi đuổi đàn dê chạy theo dọc hai bên con đường mòn đó để tiến vào Mường Thanh. Ông tướng đang trông coi ở đó không phát hiện được đó là đàn dê, nên đã hạ lệnh cho quân bắn bẫy đá xuống con đường mòn để tiêu diệt quân triều đình. Đợi bẫy đá của bảy ông tướng đã lăn hết, Tạ Tiệp mới thúc quân lính vượt đoạn đường nguy hiểm đó. Vượt qua được đoạn đường hiểm nguy này Tạ Tiệp mới viết thư và sai người cầm thư này tới bảy ông tướng. Trong thư có viết : "Thày giáo đã đến, quân Khanh, quân Ngải phải ra đón ngay!".

Nhận được thư, tướng Khanh, tướng Ngải cưỡi ngựa phi đến núi Xa Hin và họ gặp Tạ Tiệp ở đó. Hai tướng hỏi:

- Thày lên đây tốt hay xấu ?

Tạ Tiệp trả lời:

- Không biết tốt hay xấu, các ông hãy đưa tay sờ lên búi tóc của mình xem có còn không thì sẽ rõ !

Nghe nói vậy, hai ông vội sờ tay lên đầu thì không còn thấy búi tóc của mình nữa. Biết việc chẳng lành, hai ông tướng lập tức lên ngựa phi thẳng về thành Bản Phủ. Chín giờ đêm hai ông mới về đến thành để báo tin cho năm ông tướng cùng biết tin không lành đó.

Bảy ông tướng biết rằng không thể chống giữ được nữa, liền lệnh cho quân lính mổ trâu, bò thui lên, chín chỗ nào thì xẻo chấm muối ăn, uống thật no (vì họ biết chế biến sẽ không kịp). Khi mọi người đã ăn, uống no say rồi, các ông mới sai người đốt hết tất cả các kho vũ khí rồi nhảy vào đó tự tử cả.

Tạ Tiệp cho quân đuổi theo. Khi tới Bản Phủ, Tạ Tiệp không thấy bảy ông ấy

nữa. Về sau, Tạ Tiệp cho người đi lấp hết các mỏ, riêng mỏ muối thì Tạ Tiệp sai người tìm phụ nữ đang có thai ném xuống đó để mỏ tịt (từ đó miền Mường Thanh mới không còn các mỏ nữa).

Lấp xong các mỏ, Tạ Tiệp mới nói với các Tạo mường rằng:

- Sông, suối có chảy ngược không ?

Mọi người trả lời:

- Không !

Tạ Tiệp lại hỏi:

- Có chảy xuôi không ?

Mọi người lại trả lời:

- Có !

Tạ Tiệp nói tiếp:

- Vậy nước chảy xuôi thì đất Mường Thanh phải thuộc về xuôi !

(Theo sưu tầm của bà Lường Thị Đại)

LỄ HỘI THÀNH BẢN PHỦ

1)- Tế phủ (Lễ hội Hoàng Công Chất) trước giải phóng:

Để tỏ lòng biết ơn bảy ông tướng đã có công đánh giặc cứu nước, bảo vệ bản mường, chống lại áp bức bóc lột của bọn vua quan, nhân dân Mường Thanh đã xây dựng đền Bản Phủ để thờ bảy ông. Đền có hai gian, lợp bằng gianh.

Thời này, lễ hội Hoàng Công Chất được tổ chức và diễn ra cùng thời điểm các lễ hội xên mường của dân tộc Thái Mường Thanh theo chu kỳ tháng hai - ba âm lịch hàng năm, Mỗi năm xên mường mổ mười hai con trâu, trong đó thờ riêng đền thờ Hoàng Công Chất một con. Lễ hội kéo dài năm ngày, thường nói: Cấm mướng, in phủ (kiêng mường, chơi phủ).

Lễ hội phủ (Hoàng Công Chất) phần lễ, phần hiến tế lễ vật, bầy lễ, xướng đều phải làm ban đêm. Lễ, xướng cúng thần phải nói nhỏ, vì như trên đã nêu: bảy ông tướng sợ quân của thày giáo (quân triều đình) giết, nên ăn uống vội vàng trong đêm, không ồn ào. Trời sắp sáng, họ đã ăn no và tự tử hết. Do vậy lễ vật cho họ cũng vào ban đêm và không ồn ào.

*** Phần lễ:**

Cách thức làm mâm lễ:

Khoảng chín đến mười giờ đêm, dân bản tiến hành mổ một con bò, một con dê, thui cạo sạch rồi lại thui vàng ươm và mổ phanh bụng con vật, lấy bộ lòng ra làm riêng cho sạch, và mổ thêm 2 con gà.

Nhà đền thờ có hai gian, mọi người lấy chiếu dải ở góc gian ngoài, tiếp theo lấy lá chuối xanh dải lót lên chiếu. Bộ lòng bò, dê sau khi đã làm sạch đem đặt tất cả lên lá chuối. Tiếp theo khiêng cả hai con bò,

dê thui cạo sạch, vàng ươm đó lên, dạng bốn chân, đặt úp xuống bộ lòng. Sau đó lấy một tàu lá chuối nhỏ đặt lên lưng con bò thui, lấy tiếp đến một đĩa muối ớt và một con dao nhỏ sắc đặt lên tàu lá chuối nhỏ đó.

Hương, nến thắp phía đầu con bò. Hai con gà luộc chín đặt bên cạnh con bò cùng hai gói xôi, bảy chén rượu. Như vậy là mâm lễ cúng đã xong.

Ông mo vào xướng tế lễ phủ:

- Ông mo xướng cho ông Hoàng Công Chất ăn trước:

Ông mo vào gian trong thắp hương, sau đó quỳ gối, chắp tay xướng. Xướng mời ông Hoàng Công Chất (xướng thầm). Xướng mời ông Hoàng Công Chất ăn xong, ông mo đi dật lùi (không được quay mặt bước ra). Đến gian ngoài, trước mâm lễ có con bò dê, gà,... mo lại thắp hương, nến rồi quỳ chắp tay xướng khấn tiếp cho cả sáu ông tướng tiếp theo ăn cùng một lúc (cả

tướng Ngải, tướng Khanh). Vì thời gian không cho phép kéo dài xướng mời từng viên tướng ăn, tất cả phải xong trước khi trời sáng và lúc ấy ruồi, nhặng chưa thức dậy bâu đến.

- Ngày thứ 4 là ngày cuối cùng - tan cuộc lễ hội thì cũng làm cùng ngày như các đông xên khác, chỉ mổ lợn cúng vào ban ngày ngoài nhà thờ tế phủ (bài xướng lễ này có bài riêng).

*** Phần hội:**

Trong suốt năm ngày diễn ra rất nhiều trò chơi như: ném còn, tó maks lẹ, kéo co, tó sáng, tó téch, leo cột bôi mỡ có thưởng, đánh bạc, chọi gà, múa hát trống chiêng,...

Thời gian này dân địa phương chưa biết tiếng Kinh (tiếng Việt) nên thường gọi "Pang Keo Chết" (chết là 7), nên chết với Chất lẫn nhau, nhưng trong bảy người có một người là Hoàng Công Chất.

Theo sưu tầm của bà Lường Thị Đại

LỄ HỘI SAU NGÀY GIẢI PHÓNG (NGÀY NAY)

Tên gọi **LỄ HỘI HOÀNG CÔNG CHẤT**

được gọi là **LỄ HỘI THÀNH BẢN PHỦ**

NỘI DUNG LỄ HỘI

A)- Phần chuẩn bị:

* Mục đích, ý nghĩa, phương thức tổ chức

* Quy mô, thời gian, không gian (nơi tổ chức lễ hội)

* Nhân lực tham gia

* Thiết kế trang trí sân khấu

* Trang phục, đạo cụ

* Âm thanh, ánh sáng

* Kế hoạch thực hiện

B)- Phần lễ:

- Đội hình

- Phần vào lễ

* Trình tự các bước của lễ hội

Nội dung diễn văn khai mạc của lễ hội gồm 3 phần:

+ Mục đích, ý nghĩa lễ hội

+ Ca ngợi công đức của người anh hùng áo nâu Hoàng Công Chất, tướng Ngải, tướng Khanh trong việc lãnh đạo nghĩa quân cùng nhân dân các dân tộc đoàn kết đánh đuổi giặc Phé, giải phóng Mường Thanh.

+ Kêu gọi nhân dân các dân tộc Điện Biên phát huy truyền thống đoàn kết, tiếp tục thực hiện tốt công cuộc đổi mới của

Đảng và Nhà nước.

Chúc văn giỗ Hoàng Công Chất, gồm 3 phần:

+ Phần 1: Mừng hôm nay

+ Phần 2: Nhớ linh xưa

+ Phần 3: Tiếp bước.

Và các màn múa hát

c)- Phần hội:

- Chương trình liên hoan và giao lưu văn nghệ với chủ đề uống nước nhớ nguồn;

- Văn hóa ẩm thực

- Thi đấu các môn thể thao của các dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại cương Lịch sử Việt Nam - Tập I của Trương Hữu Quýnh, Phan Đại Doãn, Nguyễn Cảnh Minh - Nhà XBGD - năm 2000.

- Điện Biên trong lịch sử của Đặng Nghiêm Vạn và Đinh Xuân Lâm - Nhà XBKHXH - Hà nội năm 1979.

- Sông núi Điện Biên của Trần Lê Văn - Nhà XBVH - năm 1979.

- Danh nhân Thái Bình - của Sở VH -TT tỉnh Thái Bình do thông tin UNESCO thông tin tư liệu lịch sử - Văn hóa Việt Nam và Sở Văn hóa - Thông tin Thái Bình Xuất bản - năm 2002.

- Truyện kể bản mường,

- Sưu tầm của đồng nghiệp và bản thân.

- ....

MỤC LỤC

In 7.000 cuốn, khổ 13 x 19cm, tại Công ty TNHH In Điện Biên. Giấy phép xuất bản số: 30/XB-VHTT do Sở Văn hoá - TT tỉnh Điện Biên cấp ngày 22/5/2006. In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2006